TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN SƠN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **30** /2025/HNGĐ-ST
Ngày 10/02/2025
V/v "Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Thu Thuỷ**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Đặng Thị Huệ**

2. Bà **Hà Thị Vinh**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Quỳnh Nga** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- *Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn tham gia phiên tòa*: Ông **Nguyễn Trọng Cường -** Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 308/2024/HNGĐ-ST ngày 20/11/2025 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31/12/2024; Quyết định hoãn phiên toà số 02/2025/QĐST-DS ngày 16/01/2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Hoàng Thị M**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện Y, tỉnh T.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn:* Anh **Lầu Văn D**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện Y, tỉnh T.

Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn - chị Hoàng Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị được bố mẹ gả cho anh Lầu Văn D ở thôn Q, xã H, huyện Y vào tháng 10 năm 2000, có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn vì anh chị ở vùng sâu vùng xa thiếu hiểu biết pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do từ đầu hai bên không được tìm hiểu và không có tình cảm, anh D hay uống rượu, hay chửi vợ con,

vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Cho đến năm 2021 thì anh D đi làm công ty ở Bắc Ninh đã có quan hệ với người phụ nữ khác và công khai chung sống với nhau như vợ chồng, thi thoảng anh D có về nhà xong lại đi luôn, không có trách nhiệm gì với vợ con nữa. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Cho đến nay chị và anh D cũng vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay chị xác định chị và anh D vì không có tình cảm nên không thể đoàn tụ để tiếp tục chung sống với nhau được nữa, đề nghị Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Lầu Văn D.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Lầu Văn D có 03 con chung là Lầu Thị C, sinh ngày 22/7/2001; Lầu Thị H, sinh ngày 10/6/2003 và Lầu Văn P, sinh năm 07/10/2008. Hiện nay hai con gái lớn là Lầu Thị C và Lầu Thị H đã trên 18 tuổi, đều đã lấy chồng và chuyển khẩu về nhà chồng rồi nên chị không đề nghị Toà án giải quyết. Đối với con trai út là Lầu Văn P, sinh ngày 10/6/2008 hiện 16 tuổi nhưng đã nghỉ học, chị xin được là người trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con cùng với chị.

Về tài sản chung: Chị và anh Lầu Văn D chung sống có tài sản chung là nhà đất tại thôn Q, xã H, huyện Y nhưng sẽ tự thoả thuận với nhau, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị và anh D hiện không có vay nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh Lầu Văn D đều vắng mặt không có lý do.

* *Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện:* Chị Hoàng Thị M và anh Lầu Văn D chung sống với nhau tại thôn Q, xã H, huyện Y, tỉnh T từ khoảng năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Chính quyền cơ sở đã nhiều lần tuyên truyền, vận động anh chị M – D đến Uỷ ban nhân dân xã làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định nhưng anh chị không chấp hành. Quá trình chung sống của anh chị M – D phát sinh mâu thuẫn do anh D thường đi làm ăn xa (nhưng làm gì ở đâu thì chính quyền địa phương không nắm được do anh D không báo tạm vắng), thi thoảng có về nhà rồi lại đi ngay, vợ chồng bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau. Hiện nay anh chị Mh - D đã sống ly thân, không còn tồn tại quan hệ hôn nhân và gia đình. Chị M và anh D có 03 con chung thì 02 con gái lớn đã lấy chồng và về ở nhà chồng còn con trai Lầu Văn P hiện đang sống cùng chị M tại thôn Q.

* *Kết quả xác minh với con đã thành niên của chị M và anh D thể hiện:* Chị Lầu Thị C và Lầu Thị H hiện đều không còn chung sống cùng bố mẹ là Hoàng Thị M và Lầu Văn D vì các chị đã kết hôn và chuyển về sinh sống tại gia đình nhà chồng. Chị C, chị H đều biết việc những năm gần đây bố các chị là Lầu Văn D thường xuyên đi làm xa và công khai ở với người khác,

không có trách nhiệm gì với vợ con, không gửi tiền về cho mẹ các chị là Hoàng Thị M nuôi em trai của các chị là Lầu Văn P.

** Kết quả xác minh tại UBND xã Hùng Lợi thể hiện:* Không có tên Hoàng Thị M và Lầu Văn D trong sổ đăng ký kết hôn lưu trữ tại UBND xã Hùng Lợi (trong thời gian từ năm 2000 đến nay); UBND xã Hùng Lợi xác nhận có việc chị Hoàng Thị M, sinh năm 1983 và anh Lầu Văn D, sinh năm 1984 chung sống tại thôn Q, xã H, huyện Y, tỉnh T nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định.

Toà án nhân dân huyện Yên Sơn đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, chị Hoàng Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như đã trình bày, chị M đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Lầu Văn D và xin trực tiếp nuôi dưỡng con Lầu Văn P, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; không đề nghị Tòa án giải quyết về hai con chung Lầu Thị C và Lầu Thị H vì đều đã trưởng thành; không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung; không đề nghị Tòa án giải quyết về vay nợ vì chị và anh D không có vay nợ chung.

Anh Lầu Văn D vắng mặt tại phiên toà không có lý do mặc dù đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị Minh và anh Lầu Văn D; Giao con chung của anh chị là Lầu Văn P, sinh ngày 07/10/2008 cho chị Hoàng Thị M là trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục; anh Lầu Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con do hiện tại chị M không yêu cầu. Về con đã thành niên và tài sản chung, vay nợ chung: Chị Hoàng Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị M thuộc hộ nghèo nên đề nghị HĐXX tuyên chị M được miễn nộp án phí; tuyên các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Hoàng Thị M và anh Lầu Văn D chung sống tại thôn Q, xã H, huyện Y, tỉnh T từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy quan hệ hôn nhân của chị M và anh D không hợp pháp. Chị Hoàng Thị M

khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh D và giao nuôi con chung, do vậy Toà án nhân dân huyện Yên Sơn xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về: "*Không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Các tài liệu, chứng cứ thể hiện bị đơn – anh Lầu Văn D hiện đang cư trú và sinh sống tại thôn Q, xã H, huyện Y, tỉnh T. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

[3] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ (tống đạt trực tiếp, gửi bảo đảm qua đường bưu điện và niêm yết theo quy định của pháp luật) các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Tại phiên toà, chị Hoàng Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Lầu Văn D vắng mặt 02 lần không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị M, HĐXX nhận định:

[4.1] Đối với yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Lầu Văn D: Quá trình chung sống với nhau từ năm 2000, anh chị M – D không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định mặc dù được chính quyền cơ sở nhiều lần tuyên truyền vận động, cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày nhưng không có cách giải quyết dẫn đến sống ly thân; chị M xác định chị và anh D không có tình cảm, không thể chung sống với nhau được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Lầu Văn D.

Quá trình Toà án giải quyết vụ án anh Lầu Văn D không gửi văn bản nêu ý kiến của mình, không có mặt tại các buổi làm việc theo yêu cầu của Tòa án, điều đó cho thấy anh D cũng không có thiện chí về quan hệ hôn nhân và gia đình với chị M.

Căn cứ vào khoản 1, Điều 9 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, Hội đồng xét xử cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị M và anh Lầu Văn D.

[4.2] Đối với yêu cầu giao nuôi con chung khi ly hôn: Chị Hoàng Thị M và anh Lầu Văn D có 03 con chung là Lầu Thị C, sinh ngày 22/7/2001; Lầu Thị H, sinh ngày 10/6/2003 và Lầu Văn P, sinh năm 07/10/2008. Hiện nay hai con gái lớn là Lầu Thị C và Lầu Thị H đã trên 18 tuổi, đều đã lấy chồng và chuyển đến sinh sống tại nhà chồng, chị M không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Đối với con trai nhỏ là Lầu Văn P, sinh ngày 10/6/2008, chị M đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy anh Lầu Văn D thường xuyên vắng

mặt tại nơi cư trú, nguyện vọng của cháu P muốn được ở với mẹ là Hoàng Thị M. Như vậy việc giao cháu Lầu Văn Pcho chị M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M về việc giao nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, do hiện tại chị Minh không yêu cầu nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Hoàng Thị M xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng sẽ tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có vay nợ chung, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Hoàng Thị M thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định. Anh Lầu Văn D không phải chịu án phí.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị M và anh Lầu Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung là Lầu Văn P, sinh ngày 07/10/2008 cho chị Hoàng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn. Anh Lầu Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do hiện tại chị M không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị M là hộ nghèo, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Anh Lầu Văn D không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Hoàng Thị M và anh Lầu Văn D vắng mặt tại phiên toà, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn (02 bản);
- CC THA DS huyện Yên Sơn (để thi hành);
- UBND xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (để biết);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS vụ án;
- Lưu TA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đào Thị Thu Thuỷ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
Đặng Thị Huệ - Hà Thị Vinh	**Đào Thị Thu Thuỷ**

Báo cáo xét xử vụ án HNGĐ

Hồi 8h ngày 15 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán **Đào Thị Thu Thuỷ**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lý Thuý Hà**

2. Bà **Lý Thị Nhân**

- *Thư ký* **Hoàng Thị Minh Ngọc**

- *Kiểm sát viên* **Vũ Khánh Đại**.

Đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Hoàng Thị Nhung**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Tổ 2, phường Đội Cấn (Thôn 9, xã Đội Cấn cũ), thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn:* Anh **Trần Quang Hảo**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Tổ 2, phường Đội Cấn (Thôn 9, xã Đội Cấn cũ), thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Chị và anh Trần Quang Hảo là vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh chị được gia đình đôi bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và về chung sống với nhau từ năm 1991-1992 nhưng vì lúc đó chưa đủ tuổi nên anh chị chưa đi đăng ký kết hôn. Sau khi cưới hỏi, anh chị ở tổ 2, phường Đội Cấn (thôn 9, xã Đội Cấn cũ), thành phố Tuyên Quang đến năm 2004 thì chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Khi đi xuất khẩu chị có gửi tiền về nhà nhưng anh Hảo tiêu pha hoang phí, cờ bạc rượu chè. Sau khi chị về Việt Nam thì vợ chồng sống không hoà thuận, luôn cãi, chửi, đánh nhau. Nguyên nhân là do anh Hảo không tu chí làm ăn, thường xuyên nợ nần và lâm vào tình trạng thua lỗ. Ngoài ra anh Hảo còn hay rượu chè, đánh đập chị đến mức phải đi viện, lần gần đây nhất là ngày 20/12/2019, anh Hảo đánh chị bầm tím đùi và rạn sương sườn. Chị thấy không thể chung sống cùng anh Hảo được nữa nên chị làm đơn xin ly hôn anh Hảo để ổn định cuộc sống vì vợ chồng có cố gắng níu kéo cũng không có hạnh phúc.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Hảo có 02 con chung tên là Trần Trung Hiếu, sinh ngày 09/08/1992 và Trần Đức Chung, sinh ngày 08/12/1997. Hiện hai con chung đều đã trưởng thành và xây dựng gia đình ở riêng, vì vậy chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Hảo có tài sản chung nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị và anh Hảo không vay ai hay cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh Trần Quang Hảo đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Hướng xét xử vụ án

Áp dụng:

- Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 9; Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Hoàng Thị Nhung và anh Trần Quang Hảo là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị Nhung phải chịu 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2019/0000213 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị Nhung đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Quang Hảo không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị Nhung và anh Trần Quang Hảo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Thẩm phán báo cáo

Đào Thị Thu Thuỷ